

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 283/2025/DS-ST

Ngày: 14-5-2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Hoa

2. Ông Võ Văn Tốt

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 436/2024/DSST ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 257/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 424/2025/QĐST-DS ngày 14/4/2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần P

Trụ sở: Trụ sở: Số D (Tầng trệt, tầng lửng, tầng 1, tầng 2 của Toà nhà) và số D L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Lầu B - Số A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần P.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Quang T – Phó Giám đốc P (theo văn bản ủy quyền số 15/2024/UQ-CT.HĐQT ngày 06/5/2024 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần P).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đỗ Duy L, sinh năm 1986

Địa chỉ: Lầu B - Số A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

** Bị đơn:*

- Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1960

Số CCCD: 079060005023, ngày cấp: 21/12/2021, nơi cấp: Cục cảnh Sát

- Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1964

Số CCCD: 079164022992, ngày cấp: 21/12/2021, nơi cấp: Cục cảnh Sát

Cùng địa chỉ: Số H khu phố D, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Thanh T, sinh ngày 07/8/1993

2/ Bà Nguyễn Thị P, sinh ngày 03/6/2001

3/ Bà Nguyễn Thanh D, sinh ngày 14/10/1984

4/ Bà Võ Thị M, sinh ngày 04/12/1993

5/ Anh Nguyễn Hoàng An K, sinh ngày 01/01/1998

Cùng địa chỉ: Số H khu phố D, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Đỗ Duy L có mặt; Ông V, bà P, ông T, bà T, bà D, bà M, anh K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng các đương sự trình bày:

Theo nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần P ủy quyền cho ông Đỗ Duy L trình bày:

Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị P đã ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần P (gọi tắt là Ngân hàng P) các hợp đồng tín dụng sau đây: Hợp đồng tín dụng số TDCN21000608/2021/QHM/HĐTD ngày 06/5/2021; số ST22013695/2022/QHM/HĐTD ngày 23/5/2022 và các Khế ước nhận nợ số TDCN21000608/2021/QHM/KUNN ngày 08/5/2021; số ST22013695/2022/QHM/KUNN ngày 23/5/2022 để vay vốn tại Ngân hàng P, chi tiết như sau:

Hợp đồng tín dụng số TDCN21000608/2021/QHM/HĐTD ngày 06/5/2021 và Khế ước nhận nợ số TDCN21000608/2021/QHM/KUNN ngày 08/5/2021 thì ông V, bà P vay số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất vay là 11,5%/năm, lãi suất có điều chỉnh, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Hợp đồng tín dụng số ST22013695/QHM/HĐTD ngày 23/5/2022 và Khế ước nhận nợ số ST22013695/2022/QHM/HĐTD ngày 23/5/2022 thì ông V, bà P vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay là 120 tháng, lãi suất vay là 09%/năm, lãi suất có điều chỉnh, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Để đảm bảo khoản vay trên thì ông V, bà P đã ký với Ngân hàng P hợp đồng thế chấp số TDCN21000608/2021/QHM/HĐTC ngày 06/5/2021. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với phần đất có diện tích 312,3m², thuộc thửa đất số 1840-9, tờ bản đồ số 1L (Sơ đồ nền), tọa lạc tại: Số A đường T, phường T, Quận A theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở, Hồ sơ gốc số: 5541 do Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/6/2004, cập nhật biến động thông tin tài sản ngày 25/7/2007.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông V và bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong các hợp đồng tín dụng số TDCN21000608/2021/QHM/HĐTD ngày 06/5/2021; số ST22013695/2022/QHM/HĐTD ngày 23/5/2022 và các Khế ước nhận nợ số TDCN21000608/2021/QHM/KUNN ngày 08/5/2021; số ST22013695/2022/QHM/KUNN ngày 23/5/2022 được ký kết giữa Ngân hàng P với ông V và bà P. Như vậy, Ông V và bà P đã vi phạm cam kết, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và các cam kết đã ký kết với Ngân hàng P.

Tạm tính đến ngày 08/5/2024, ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị P còn nợ Ngân hàng P là 176.691.368 đồng, trong đó: Nợ gốc là 171.538.799 đồng, nợ lãi là 5.152.569 đồng.

Nay Ngân hàng P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị P phải trả cho Ngân hàng P tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 08/5/2024 là 176.691.368 đồng, trong đó: Nợ gốc là 171.538.799 đồng, nợ lãi là 5.152.569 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 09/5/2024 cho đến khi ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị P trả tất nợ vay và lãi cho Ngân hàng P. Yêu cầu ông V, bà P phải trả nợ ngay sau khi Quyết định, Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Nếu ông V và bà P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ nêu trên thì Ngân hàng P được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số TDCN21000608/2021/QHM/HĐTC ngày 06/5/2021 là Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với phần đất có diện tích 312,3m², thuộc thửa đất số 1840-9, tờ bản đồ số 1L (Sơ đồ nền), tọa lạc tại: Số A đường T, phường T, Quận A, theo

Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở, Hồ sơ gốc số: 5541 do Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/6/2004.

Tạm tính đến ngày 14/5/2025, ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị P còn nợ Ngân hàng P là 201.818.252 đồng, trong đó: Nợ gốc là 171.538.799 đồng, nợ lãi là 30.279.488 đồng.

Ngân hàng P yêu cầu ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị P phải trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 14/5/2025 là 201.818.252 đồng, trong đó: Nợ gốc là 171.538.799 đồng, nợ lãi là 30.279.488 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 15/5/2025 cho đến khi ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị P trả tất số nợ vay và lãi cho Ngân hàng P. Yêu cầu ông V, bà P phải trả nợ ngay sau khi Quyết định, Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Nếu ông V và bà P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ nêu trên thì Ngân hàng P được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số TDCN21000608/2021/QHM/HĐTC ngày 06/5/2021, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với phần đất có diện tích 312,3m², thuộc thửa đất số 1840-9, tờ bản đồ số 1L (Sơ đồ nền), tọa lạc tại: Số A đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo bị đơn ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị P trình bày:

Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị P vắng mặt không tham gia tố tụng nên Tòa án không có lời trình bày của ông V, bà P tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa.

Theo người có quyền, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thanh D, Võ Thị M, Nguyễn Hoàng An K trình bày:

Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thanh D, Võ Thị M, Nguyễn Hoàng An K vắng mặt không tham gia tố tụng nên Tòa án không có lời trình bày của ông T, bà T, bà D, bà M và anh K tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Hội đồng xét xử tại phiên tòa và việc chấp hành đúng pháp luật của người tham gia tố tụng tại phiên tòa, vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa Ngân hàng P với ông V, bà P có ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và hợp đồng được hai bên ký kết một cách tự nguyện, hợp pháp và phù hợp với Luật Ngân hàng và Luật các tổ chức tín dụng, nên công nhận. Nhưng chỉ có một bên có giấy phép kinh doanh, mục đích vay tiêu dùng nên thuộc loại án dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 26, điểm 4 khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã tổng đạt hợp lệ thông báo hòa giải, giấy triệu tập cho bị đơn ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông T, bà T, bà D, bà M và anh K để tham gia phiên tòa nhưng ông V, bà P và ông T, bà T, bà D, bà M, anh K vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông V, bà P, ông T, bà T, bà D, bà M và anh K.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời tự khai của đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng P vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị P phải trả toàn bộ số tiền nợ vay tạm tính đến ngày 14/5/2025, ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị P còn nợ Ngân hàng P là 201.818.252 đồng, trong đó: Nợ gốc là 171.538.799 đồng, nợ lãi là 30.279.488 đồng; Ngân hàng yêu cầu tính lãi phát sinh, phí phát sinh theo mức lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng từ ngày 15/5/2025 cho đến khi ông vạ và bà P trả xong nợ; Nếu ông V và bà P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ nêu trên thì Ngân hàng P được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số TDCN21000608/2021/QHM/HĐTC ngày 06/5/2021, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với phần đất có diện tích 312,3m², thuộc thửa đất số 1840-9, tờ bản đồ số 1L (Sơ đồ nền), tọa lạc tại: Số A đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông V, bà P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án không có lời trình bày của ông V, bà P. Ông V, bà P vắng mặt nên không cung cấp được bất kỳ giấy tờ tài liệu nào chứng minh về số nợ vay mà Ngân hàng P khởi kiện, do ông V, bà P vi phạm nghĩa vụ trả nợ và Ngân hàng P đã có thông báo thu hồi nợ đối với ông V, bà P. Tạm tính đến ngày 14/5/2025, ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị P còn nợ Ngân hàng P là 201.818.252 đồng, trong đó: Nợ gốc là 171.538.799 đồng, nợ lãi là 30.279.488 đồng. Nhưng ông V, bà P không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng P là vi phạm nghĩa vụ thanh

toán theo các hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký nên Ngân hàng P khởi kiện yêu cầu ông V, bà P phải trả số tiền vay còn nợ lại cho Ngân hàng P là có căn cứ nên được chấp nhận cũng phù hợp với lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Ngoài ra Ngân hàng P còn yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh với mức lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng từ ngày 15/5/2025 cho đến khi ông V, bà P trả hết nợ. Nhận thấy yêu cầu này là có căn cứ nên chấp nhận, cũng phù hợp với lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Ngân hàng P còn yêu cầu được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số TDCN21000608/2021/QHM/HĐTC ngày 06/5/2021, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với phần đất có diện tích 312,3m², thuộc thửa đất số 1840-9, tờ bản đồ số 1L (Sơ đồ nền), tọa lạc tại: Số A đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nếu ông V và bà P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ nêu trên thì Ngân hàng P.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn ông V, bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Thành tiền: 201.818.252 đồng x 5% = 10.090.912 đồng.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng bị đơn phải chịu, nguyên đơn đã nộp nên bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 257, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần P đối với ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị P.

Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị P phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền tạm tính đến ngày 14/5/2025 là 201.818.252 (*hai trăm lẻ một triệu, tám trăm mười tám ngàn, hai trăm năm mươi hai*) đồng, trong đó: Nợ gốc là 171.538.799 (*một trăm bảy mươi một triệu, năm trăm ba mươi tám ngàn, bảy trăm chín mươi chín*) đồng, nợ lãi là 30.279.488 (*ba mươi triệu, hai trăm bảy mươi chín ngàn, bốn trăm tám mươi tám*) đồng.

Số tiền nợ gốc phải trả kể từ ngày 15/5/2025 sẽ được tính lãi quá hạn trên số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số TDCN21000608/2021/QHM/HĐTD ngày 06/5/2021 và hợp đồng tín dụng số ST22013695/2022/QHM/HĐTD ngày 23/5/2022 mà hai bên đã ký kết cho đến khi ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị P trả xong nợ.

[2] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị P phải trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần P là 5.000.000 (*năm triệu*) đồng.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 10.090.912 (*mười triệu, không trăm chín mươi ngàn, chín trăm mười hai*) đồng, ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị P phải nộp.

Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 4.417.284 (*bốn triệu, bốn trăm mười bảy ngàn, hai trăm tám mươi bốn*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0022558 ngày 27/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Quyền kháng cáo:

Ngân hàng thương mại cổ phần P có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị P vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

[5] Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (4b);
- VKSND Quận 12 (2b);
- TAND TP.HCM (1b);
- Chi cục THADS Q.12 (1b);
- Lưu HS, VP (4b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thảo

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Tốt Nguyễn Thị Thúy Hoa

Nguyễn Thị Thanh Thảo

